TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YK- TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 60/2018/QĐST-HNGĐ	***YK,*** *ngày 10 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 107/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị T sinh năm 1984; địa chỉ phố Trung Lân, thị trấn YN, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh N sinh năm 1986; địa chỉ phố Trung Lân, thị trấn YN, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02/10/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị T sinh năm 1984; địa chỉ phố Trung Lân, thị trấn YN, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Anh N sinh năm 1986; địa chỉ phố Trung Lân, thị trấn YN, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về nuôi con: Chị T và anh N cùng trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu Đ sinh ngày 24/5/2009; chị T và anh N thỏa thuận giao cháu Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Đ trưởng thành; anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng chẵn), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11 năm 2018 cho đến khi cháu Đ trưởng thành.

Anh N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Đ được sống chung với chị T và anh N có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu Đ; chị T không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc cháu Đ.

Về tài sản: Chị T và anh N cùng trình bày vợ chồng không có tài sản chung; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Về án phí:

- Án phí ly hôn: Chị T và anh N thỏa thuận chị T nộp toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0001906 ngày 06/9/2018 của Chị cục Thi hành án dân sự huyện YK, chị T được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

- Án phí về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ theo quyết định của Tòa án, do hai bên thỏa thuận nên anh N phải nộp 150.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Lực

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện YK
- UBND trị trấn YN
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.